

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

**VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ
HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngành : Báo chí học

Mã số : 9 32 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

HÀ NỘI - 2025

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

***Người hướng dẫn khoa học:* 1. PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang
2. TS. Dương Thị Thu Hương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện
Báo chí và Tuyên truyền**

Vào hồi, ngày tháng năm 2025.

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhà nghiên cứu báo chí Walter Lippmann, người đặt nền móng cho lý thuyết về nghị trình truyền thông, khẳng định: “*Báo chí* không thể thay thế các thiết chế xã hội. Nó giống như một luồng ánh sáng mạnh mẽ, không ngừng quét qua bóng tối, lần lượt soi rọi từng lát cắt của hiện thực, đưa những câu chuyện bị che khuất ra ánh sáng”. Chính vai trò “chiếu sáng” này khiến báo chí trở thành lực lượng không thể thiếu trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội dân chủ, văn minh.

Nếu báo chí là công cụ truyền thông mạnh mẽ, giúp định hướng dư luận, giám sát và phản biện xã hội, lan tỏa các giá trị nhân văn mẽ thì nhà báo chính là người trực tiếp vận hành và thực hiện nhiệm vụ cao cả của báo chí đối với xã hội. Do đó, nhà báo phải được đảm bảo quyền được tiếp cận thông tin, quyền được điều tra, tác nghiệp, phản ánh sự thật - đó không chỉ là quyền, mà còn là điều kiện tất yếu để thực hiện nghĩa vụ xã hội. Việc bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của nhà báo không chỉ là bảo vệ cá nhân họ, mà còn là bảo vệ nền tảng của tự do báo chí, tự do ngôn luận - những giá trị căn bản của một xã hội dân chủ, pháp quyền. Nếu nhà báo không được bảo vệ đúng mực, họ sẽ bị cản trở trong việc phát hiện và phản ánh sự thật, từ đó dẫn đến nguy cơ bị bẻ cong thông tin, làm lu mờ vai trò phản biện và giám sát của báo chí.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, sự an toàn và quyền được tác nghiệp hợp pháp của nhà báo đã trở thành một nội dung trọng tâm trong các nỗ lực pháp lý và nhân quyền quốc tế. Các quy phạm quốc tế không chỉ khẳng định vai trò của báo chí như một thành tố thiết yếu của xã hội dân chủ, mà còn đặt ra những chuẩn mực rõ ràng trong việc bảo vệ nhà báo trước những nguy cơ bị đe dọa, hành hung, truy cứu vô căn cứ hoặc cản trở khi thực thi nghiệp vụ. Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền 1948 (UDHR) đã khẳng định tại Điều 19 rằng: “Ai cũng có quyền tự do quan điểm và ngôn luận; quyền này bao gồm tự do giữ ý kiến không bị can thiệp và tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin và ý tưởng bằng mọi phương tiện, không kể biên giới”. Tuyên ngôn này đặt nền móng cho các quyền báo chí trong phạm trù quyền con người, trong đó nhà báo được xem là chủ thể thực hiện quyền truyền thông và tự do thông tin. Tiếp nối tinh thần đó, Công ước quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR, 1966) – mà Việt Nam là thành viên từ năm 1982 – tại Điều 19 tiếp tục khẳng định rằng mọi người có quyền tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin dưới bất kỳ hình thức nào, không bị cản trở bởi biên giới. Đây là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng bảo vệ quyền hành nghề báo chí, đồng thời ràng buộc trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc không được can thiệp hoặc hạn chế quyền tác nghiệp của nhà báo một cách tùy tiện.

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đặc biệt là sau khi giành được chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, báo chí cách mạng đã luôn là một phần không thể thiếu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển tư tưởng, văn hóa của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo báo chí phục vụ sự nghiệp cách mạng, Đảng và nhà nước luôn đề cao vai trò

đội ngũ người làm báo. Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Cán bộ làm báo là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ*”. Người khuyến khích, cổ vũ: “*"Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính, trừ tà"*. Trong nhiệm kỳ gần đây, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều văn kiện, nghị quyết như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về công tác truyền thông báo chí, Chỉ thị số 43 về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới*” và Thông báo số 22 của Ban Bí thư Trung ương về nâng cao vai trò, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam... Các văn bản quan trọng này đều nhấn mạnh việc cần thường xuyên tổ chức cho nhà báo - hội viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực, chủ động bằng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, kỹ năng làm báo cho các hội viên, xây dựng đội ngũ người làm báo Việt Nam ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng. Chính sách của Đảng, thông qua các Nghị quyết, Chỉ thị về báo chí và truyền thông, đã nhấn mạnh vai trò then chốt của báo chí trong công cuộc phòng chống tham nhũng, phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ lợi ích nhân dân, qua đó ngầm khẳng định nhà báo phải được bảo hộ chính đáng để hoàn thành sứ mệnh của mình.

Hệ thống pháp luật của Nhà nước về báo chí được ban hành, ngày càng hoàn thiện, trong đó có nhiều văn bản pháp luật quan trọng bảo hộ hoạt động nghề nghiệp của nhà báo. Điều này thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với việc đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động báo chí. Cụ thể: Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Báo chí 2016, là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động báo chí ở Việt Nam hiện nay. Luật này đã dành riêng Chương IV để quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan báo chí, nhà báo. Đáng chú ý, Điều 25 của Luật quy định rõ 8 quyền của nhà báo, trong đó có quyền “Được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp; được bảo vệ danh dự, nhân phẩm khi hành nghề báo chí” (Khoản 8, Điều 25, Luật Báo chí 2016). Bên cạnh đó, Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản cũng đã quy định cụ thể các hành vi vi phạm và mức xử phạt đối với những hành vi cản trở hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

Tính đến tháng 12/2024, Việt Nam có một lực lượng báo chí hùng hậu với nhân sự khoảng 41.000 người, trong đó có hơn 21.000 nhà báo được cấp thẻ, đang làm việc tại gần 884 cơ quan báo chí thuộc các loại hình: báo in, phát thanh, truyền hình, báo điện tử. Lực lượng này đang hằng ngày, hằng giờ chuyển tải một lượng thông tin khổng lồ đến với hơn 98 triệu người dân. Nhìn chung, Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt niềm tin vào báo chí, nhất là trước những sự kiện có ảnh hưởng lớn đối với đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

Mặc dù được tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, hành lang pháp lý đầy đủ để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, nhưng trên thực tế vẫn còn xảy ra tình trạng nhiều nhà báo bị đe dọa, hành hung khi tác nghiệp hoặc xâm phạm quyền

hành nghề hợp pháp. Theo báo cáo của Hội Nhà báo Việt Nam, trong giai đoạn 2020 - 2024, có 47 vụ việc nhà báo bị hành hung, đe dọa khi tác nghiệp [**Error! Reference source not found.**]. Tình trạng cản trở, hành hung, xâm phạm quyền hành nghề, sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của nhà báo có xu hướng diễn biến ngày càng phức tạp, cả hiện trường thực tế lẫn không gian mạng.

Sự bùng nổ của công nghệ số, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo mang đến không chỉ những cơ hội mới cho ngành báo chí mà còn cả những thách thức và mối đe dọa chưa từng có. Trong môi trường truyền thông mới, an toàn tác nghiệp nhà báo bị đe dọa ở nhiều cấp độ, với hình thức tấn công và quấy rối trực tuyến ngày càng tinh vi và đa dạng, vượt ra khỏi biên giới vật lý và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn, tinh thần và công việc của nhà báo: tấn công kỹ thuật số và doxing, tấn công truyền thông và công kích danh dự...

Nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề bảo vệ hoạt động tác nghiệp của nhà báo có xu hướng tập trung nghiên cứu lý luận về vị trí, vai trò, quan điểm, phân loại các hành vi cản trở, các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn của nhà báo... Tuy nhiên, nghiên cứu sâu về bảo vệ nhà báo dưới góc độ bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp vẫn cần được tăng cường và nhìn nhận với các quan điểm toàn diện hơn. Chính vì vậy, NCS chọn đề tài “**Vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay**” là đề tài nghiên cứu cho luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Luận án xây dựng cơ sở lý thuyết của đề tài nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để chỉ ra những vấn đề còn tồn tại và đề xuất những giải pháp chủ yếu góp phần tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ

Thứ nhất, tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài;

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện khung lý thuyết về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay;

Thứ ba, khảo sát, phân tích, đánh giá hiện trạng vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay thông qua phân tích nội dung các trường hợp nghiên cứu điển hình, tiến hành điều tra xã hội học và phỏng vấn sâu đối với nhà báo. Từ đó, đánh giá về vai trò, mức độ, cách thức, những biểu hiện tích cực và hạn chế trong vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo;

Thứ tư, đưa ra những giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Về nội dung, không gian nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo thông qua hoạt động khảo sát 302 nhà báo, phóng viên của 7 cơ quan báo chí, trong đó có 4 cơ quan báo chí chính gồm: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Báo điện tử Vietnamnet và Báo Lao động.

3.2.2. Về thời gian nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu từ năm 2020 đến năm 2024 vì thời điểm bắt đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Hội Nhà báo Việt Nam nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó có nội dung đặc biệt chú trọng việc bảo vệ quyền làm nghề hợp pháp của hội viên, quyền lợi chính đáng của hội viên nhà báo và tiếp tục nâng cao vai trò, vị thế của người làm báo cách mạng. Thời điểm khảo sát cũng phù hợp với thời gian các cơ quan báo chí phát huy Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong xây dựng nền báo chí truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. Đồng thời, đầu năm 2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội vừa trình Quốc hội xem xét đưa đổi Luật báo chí 2016 trong Chương trình xây dựng pháp luật vào năm 2025.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu của luận án

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Khi tiến hành nghiên cứu, luận án tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu sau:

Thứ nhất: Cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là gì?

Thứ hai: Quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay đang được bảo vệ như thế nào??

Thứ ba: Các giải pháp nào có thể áp dụng để tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo?

4.2. Giả thiết nghiên cứu của luận án

Giả thuyết thứ nhất: Văn bản chỉ đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước rất quan trọng và cần thiết để đảm bảo quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

Giả thuyết thứ hai: Khung pháp lý hiện hành và quy định về xử lý hành vi cản trở hoạt động báo chí chưa đủ sức răn đe hoặc chưa được thực thi một cách nghiêm minh và nhất quán trong thực tiễn.

Giả thuyết thứ ba: Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ quyền nhà báo của một bộ phận cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan còn chưa cao, góp phần gây ra các hành vi cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo.

Giả thuyết thứ tư: Am hiểu pháp lý và năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của nhà báo liên quan ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tự bảo vệ khi bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp.

5. Phương pháp lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp lý luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để làm rõ nội dung các vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

Luận án dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về báo chí - truyền thông nói chung, bảo vệ nhà báo nói riêng, được thể hiện qua các Nghị quyết của Đảng và chủ trương, văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của nhà báo cũng như quy định xử phạt đối với những hành vi cản trở, hành hung nhà báo khi tác nghiệp.

Luận án vận dụng hệ thống lý luận về báo chí truyền thông để làm rõ thực trạng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Cụ thể, luận án áp dụng: Lý thuyết cấu trúc - chức năng và Lý thuyết trách nhiệm xã hội của báo chí để làm rõ lý luận và tìm hiểu thực trạng của vấn đề.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành của báo chí truyền thông, xã hội học, cụ thể:

5.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

Luận án thu thập và nghiên cứu các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác báo chí và vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo hiện nay; Luật Báo chí hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật (nghị định, thông tư hướng dẫn) có liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo hiện nay; các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước đã công bố về đề tài này hoặc các khía cạnh có liên quan.

Mục đích của phương pháp này là tìm cơ sở cho việc xây dựng khung lý thuyết về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, đồng thời làm rõ quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Tác giả tìm hiểu, chất lọc kết quả nghiên cứu của một số công trình khoa học trước đó. Những kết quả này là nguồn tư liệu hữu ích cho việc đối chiếu, so sánh và làm giàu thêm các phát hiện của nghiên cứu hiện tại. Các tài liệu sau khi được phân tích có thể làm cơ sở cho việc đánh giá các kết quả khảo sát, nhận diện những khoảng trống trong quy định và thực thi, từ đó giúp tìm ra các giải pháp khoa học cho vấn đề nghiên cứu. Các tài liệu sau khi thu thập sẽ được phân nhóm, hệ thống hoá, phân tích theo phương pháp tổng hợp, so sánh.

5.2.2. Phương pháp phân tích tài liệu

Phân tích tài liệu định tính: Nghiên cứu phân tích nội dung định tính, trong đó lựa chọn 05 trường hợp điển hình về vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp của nhà báo trong giai đoạn nghiên cứu (1/2020 - 12/2024) nhằm tìm hiểu bối cảnh, tình huống dẫn đến vi phạm, mức độ vi phạm, nguyên nhân dẫn đến vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp (môi trường pháp lý, nhận thức của xã hội, sự tham gia bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo từ cơ quan chức năng, kiến thức, kỹ năng và đạo đức người làm báo...). Kết quả phân tích giúp hiểu rõ hơn vấn đề, đối chiếu với dữ liệu khảo sát từ nhà báo và dữ liệu từ phỏng vấn sâu làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu, có thêm cơ sở dữ liệu vững chắc để đi đến các kết luận.

Phân tích tài liệu định lượng: Tác giả sử dụng phương pháp này nhằm làm rõ hơn thực trạng vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, nghiên cứu

cũng tổng hợp phân tích dữ liệu cung cấp từ phía hội nhà báo về các vụ vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo được báo cáo lên Hội nhà báo trong giai đoạn 5 năm từ 2020 đến tháng 12/2024. Kết quả phân tích sẽ bổ sung thêm những hiểu biết về thực trạng bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo bên cạnh số liệu khảo sát từ nhà báo thuộc các cơ quan báo chí. Các vấn đề được chú trọng phân tích gồm: hình thức vi phạm, mức độ vi phạm, bối cảnh vi phạm. Nghiên cứu sẽ lượng hoá một số đặc điểm của những vụ việc vi phạm nhằm lượng hoá và đưa ra dữ liệu thống kê tổng hợp nhằm bổ sung thêm hiểu biết về thực trạng vi phạm và xu hướng vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong giai đoạn từ 2020 - 2024. Một số các đặc điểm quan tâm được đưa vào phân tích tổng hợp gồm: bối cảnh vi phạm, nguyên nhân vi phạm, tính chất vụ việc vi phạm, hành vi vi phạm cụ thể.

5.2.3. Phương pháp điều tra xã hội học (điều tra chọn mẫu)

Tác giả sử dụng bảng hỏi (anket) phát cho nhóm các nhà báo của cơ quan báo chí thuộc diện khảo sát gồm 4 cơ quan đại diện bốn loại hình báo chí chính là VTV, VOV, Vietnamnet và Lao động và 03 cơ quan còn lại. Tổng cộng mẫu thu về là 302 phiếu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản: Tại mỗi cơ quan báo chí, NCS sẽ xin danh sách các nhà báo đang chính thức tham gia hoạt động nghiệp vụ báo chí (bao gồm: phóng viên, biên tập viên, quay phim...). Trên cơ sở danh sách đó, nghiên cứu sẽ chọn theo phương pháp ngẫu nhiên đơn giản cho đủ số lượng mẫu tại mỗi cơ quan với sự trợ giúp của phần mềm SPSS. Toàn bộ dữ liệu thu thập được sẽ được xử lý, tổng hợp, mô tả và phân tích định lượng kết hợp các phép kiểm định thống kê nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu, đồng thời đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả thông qua sự hỗ trợ của SPSS.

Mục đích khi sử dụng phương pháp này là thu nhận các phản hồi, đánh giá của các nhóm nhà báo về vấn đề bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp ở các cơ quan báo chí thuộc diện khảo sát.

5.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu:

Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn sâu (phỏng vấn cá nhân) bốn nhóm: *Thứ nhất*, phỏng vấn sâu nhà báo, phóng viên (12 người). Cụ thể, mỗi tờ báo trong diện khảo sát chính là 03 người trực tiếp tác nghiệp viết bài để hỏi sâu về thực trạng của vấn đề bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo hiện nay hai phương diện tích cực và hạn chế, mong muốn của họ trong việc được bảo vệ tối ưu hơn khi tác nghiệp tại các điểm nhạy cảm; *Thứ hai*, phỏng vấn sâu các trưởng, phó ban chuyên môn và quản lý cấp cao của 04 tờ báo thuộc diện khảo sát (08 người). Cụ thể, cấp trưởng, phó phòng ban chuyên môn mỗi tờ báo 1 người và lãnh đạo cấp cao gồm tổng biên tập, phó tổng biên tập mỗi tờ báo 1 người để hỏi sâu về thực trạng của vấn đề bảo vệ hoạt động tác nghiệp hợp pháp của nhà báo hiện nay hai phương diện tích cực và hạn chế, hướng dẫn của họ trong việc đảm bảo an toàn khi tác nghiệp dành cho cán bộ của cơ quan báo chí như thế nào; *Thứ ba*, Phỏng vấn sâu cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý về nhà nước về báo chí gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ Báo chí Xuất bản, Cục Quản lý Phát thanh - Truyền hình, Hội Nhà báo Việt Nam (04 người) về hướng dẫn, phối hợp xử lý các vụ việc liên quan đến vi phạm hoạt động nghiệp vụ hợp

pháp của nhà báo; Thứ tư, phỏng vấn 01 nhà nghiên cứu báo chí, 01 luật sư đã có kinh nghiệm nghiên cứu lý luận và thực tiễn về lĩnh vực này. Dữ liệu phỏng vấn sâu sau khi thu thập sẽ được tổng hợp, phân tích định tính nội dung với sự hỗ trợ của phần mềm Nvivo.

Mục đích thu thập thông tin từ phỏng vấn sâu góp phần bổ sung và giải thích rõ hơn cho phần thông tin định lượng, đồng thời làm rõ hơn về bối cảnh, hoàn cảnh diễn ra các sự kiện hay vai trò của các bên tham gia bảo vệ đề bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

5.2.5. Phương pháp thảo luận nhóm

Phương pháp này dùng để thu thập thông tin định tính nhằm hiểu sâu về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Thảo luận nhóm được tổ chức với sự tham gia của 02 nhà báo, 01 luật sư và 01 nhà nghiên cứu về luật báo chí và đạo đức nhà báo. Qua sự tương tác của các đối tượng, tác giả có thể khám phá chiều sâu nhận thức, khai thác các quan điểm, góc nhìn khác nhau về các khía cạnh quan trọng của vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, kết quả thảo luận nhóm góp phần làm sáng tỏ những giải pháp cần thiết để nâng cao việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới.

6. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án hệ thống hóa và phát triển tương đối toàn diện về những vấn đề lý luận và bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo Việt Nam: (1) Xây dựng khái niệm bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, cũng như một số khái niệm khác có liên quan như: vấn đề, nhà báo... (2) Xác định vai trò, nội dung của vấn đề nghiên cứu cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. (3) Trình bày một cách có hệ thống cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, nêu rõ những luận điểm về sự hoàn thiện về mặt chính sách và pháp lý của Đảng và Nhà nước nhằm tăng cường sự bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, luận án phân tích thực trạng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam, đồng thời phân tích mối quan hệ hữu cơ giữa những quy định của Luật Báo chí, cơ chế, chính sách để điều hành hoạt động báo chí với mức độ an toàn của môi trường hoạt động nghiệp vụ báo chí; Mối quan hệ giữa nhà báo đang hoạt động nghiệp vụ tại hiện trường với tòa báo, cơ quan quản lý và hệ thống luật pháp và với xã hội. Từ đó, luận án đánh giá khách quan thực trạng của công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, luận án là một trong những công trình khoa học đầu tiên tìm hiểu, phân tích một cách toàn diện, khoa học các khía cạnh khác nhau của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo Việt Nam hiện nay. Tác giả luận án đánh giá các mặt tích cực, những thành tựu đã đạt được và các mặt hạn chế trong công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp, khuyến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường sự quản lý hoạt động báo chí một cách khoa học, tạo điều

kiện cho nhà báo hoạt động nghiệp vụ một cách hợp pháp, an toàn, hiệu quả. Đó chính là điều kiện cần thiết để nhà báo có thể hoàn thành nhiệm vụ và sáng tạo nên những tác phẩm báo chí có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của công chúng và thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh.

7. Ý nghĩa của luận án

7.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp thêm một góc nhìn mới, đồng thời mở rộng sự hiểu biết về cơ sở lý luận và thực tiễn chuyên sâu về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay. Luận án có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, xây dựng, bổ sung luật; lãnh đạo quản lý báo chí, các phóng viên; nghiên cứu viên, giảng viên, học viên tại các cơ sở đào tạo báo chí. Kết quả luận án góp phần mở ra những hướng nghiên cứu mới về nhà báo dựa trên những nhìn nhận vai trò, đóng góp, khó khăn thuận lợi trong quá trình tác nghiệp trong yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện hành lang pháp lý, thực thi chính sách pháp luật của Nhà nước đối với vấn đề bảo vệ nhà báo và phát triển toàn diện hoạt động báo chí trong nước.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Những kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho các nhà báo, cơ quan báo chí, các nhà quản lý báo chí giúp củng cố nhận thức về quyền và nghĩa vụ nghề nghiệp, bổ sung các phương thức bảo vệ trong hoạt động tác nghiệp, xây dựng văn hóa bảo vệ nhà báo. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng giúp cho các nhà làm luật có thể nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung luật pháp nói chung và Luật báo chí nói riêng ngày càng phù hợp với thực tiễn, tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng cho nhà báo tiếp cận thông tin một cách công khai, minh bạch, an toàn, kịp thời. Bên cạnh đó, luận án cũng có thể giúp cho các cơ quan công quyền, các cá nhân đang ở vị trí đứng đầu những đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ phải cung cấp thông tin cho báo chí và phải tôn trọng hoạt động nghiệp vụ của nhà báo, đó là con đường gần nhất để tạo nên sự đồng thuận xã hội. Những điều được rút ra từ luận án là tư liệu tham khảo cho các bạn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành báo chí về vấn đề quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo và bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam hiện nay. Luận án cũng góp phần giải thích, tuyên truyền cho mọi tầng lớp trong xã hội hiện nay về trách nhiệm công dân phải sống theo hiến pháp và pháp luật. Nếu cá nhân hoặc tổ chức nào xâm phạm đến quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin của báo chí và công chúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phục lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về khái niệm, khung pháp lý bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

1.1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Giai đoạn 1: Từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX là giai đoạn nhận thức sơ khai về quyền tự do báo chí – nền tảng cơ bản của quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo. Giai đoạn này đánh dấu sự hình thành tư tưởng sơ khai về quyền tự do báo chí – nền tảng pháp lý ban đầu cho hoạt động nghiệp vụ báo chí.

Giai đoạn 2: Bắt đầu từ sau thế chiến thứ II đến năm 1970, là giai đoạn xây dựng nền tảng pháp lý quốc tế và luận bàn học thuật.

Giai đoạn 3: Từ cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, là giai đoạn vấn đề bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo bắt đầu được quan tâm ở phạm vi toàn cầu. Khung pháp lý quốc tế cũng như quốc gia đã có những nội dung riêng biệt bảo vệ quyền hoạt động đúng pháp luật của nhà báo. Nhiều công trình khoa học và hoạt động nghiên cứu bám sát quá trình xây dựng khung pháp lý quốc tế cũng như quốc gia, nhìn nhận vấn đề bảo vệ nhà báo trong mối quan hệ tổng thể giữa đạo đức, quyền, trách nhiệm của nhà báo.

Quyền tác nghiệp của nhà báo đã chuyển từ nhận thức nền tảng (tự do báo chí) sang các cơ chế bảo vệ cụ thể về mặt pháp lý, đạo đức và thể chế. Tuy nhiên, khoảng cách giữa quy phạm và thực tiễn vẫn còn đáng kể, đặc biệt trong các quốc gia đang phát triển hoặc khu vực xung đột.

1.1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Luật Báo chí 1957 ra đời là bước ngoặt quan trọng đầu tiên quy định chính thức về quyền và nghĩa vụ của cơ quan báo chí, nhà báo.

Từ năm 1990 đến năm 2016 (trước thời điểm Luật Báo chí sửa đổi 2016 ban hành và có hiệu lực), báo chí Việt Nam phát triển nhanh về loại hình và phạm vi hoạt động, song cũng bộc lộ nhiều vấn đề về đạo đức nghề nghiệp và nguy cơ bị cản trở tác nghiệp, nhất là khi phản ánh các vấn đề nhạy cảm như tiêu cực, tham nhũng.

Giai đoạn Luật Báo chí sửa đổi 2016 có hiệu lực đến nay: là bước phát triển quan trọng về mặt pháp lý, bổ sung tương đối rõ nội dung về quyền và trách nhiệm của nhà báo, cơ quan báo chí, quy định cụ thể hơn về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ. Thời điểm này xuất hiện nhiều kỷ yếu tập hợp các tham luận có tính chất tổng kết về thực hiện “quyền tác nghiệp” trước những thách thức của chuyên đòi hỏi, mạng xã hội, và đa nền tảng, cũng như tổng kết những bất cập trong thực tiễn sau khi Luật Báo chí sửa đổi 2016 đi vào thực tiễn. Một số công trình có nội dung hàn lâm, phân tích khung pháp lý bảo vệ nhà báo hình thành.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp và mức độ được bảo vệ của nhà báo

1.1.2.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Một là, các nghiên cứu về tình trạng bạo lực và trách nhiệm bảo vệ nhân mạnh rằng bạo lực có chủ đích nhằm vào nhà báo đang trở thành công cụ kiểm soát thông tin tại nhiều quốc gia. Tình trạng thiếu điều tra và truy tố hiệu quả

hiển thủ phạm không bị xử lý, làm tăng nguy cơ tái phạm và gieo rắc tâm lý sợ hãi, tự kiểm duyệt trong cộng đồng báo chí.

Hai là, các công trình nghiên cứu về vai trò bảo vệ của pháp lý quốc tế. chỉ rõ rằng hệ thống pháp lý hiện hành tại nhiều quốc gia không đủ năng lực hoặc không đủ độc lập để bảo vệ nhà báo. Đây là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến việc nhà báo trở thành mục tiêu dễ tổn thương, và cần có sự tham gia mạnh mẽ hơn từ cộng đồng quốc tế nhằm thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ mang tính cưỡng chế.

Ba là, các công trình nghiên cứu về tình trạng “tự kiểm duyệt”, một hệ quả của tình trạng nhà báo bị vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ.

Bốn là, các công trình nghiên cứu về tình trạng bạo lực trực tuyến đối với nhà báo. Hậu quả của bạo lực mạng là không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe tinh thần mà còn buộc nhiều nhà báo phải rút lui khỏi mạng xã hội hoặc ngừng tác nghiệp. Trong khi đó, cơ quan chức năng và các nền tảng số lại chưa có phản ứng đủ mạnh, kịp thời và minh bạch, dẫn tới sự mất lòng tin sâu sắc từ phía người làm báo.

1.1.2.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Một là, các nghiên cứu về vi phạm quyền tác nghiệp báo chí tại Việt Nam chủ yếu được thực hiện trong khuôn khổ hợp tác với các tổ chức quốc tế.

Hai là, công trình phân loại hành vi cản trở tác nghiệp chỉ rõ các bất cập pháp lý, đặc biệt là tình trạng xử lý chưa đúng bản chất hành vi xâm phạm báo chí, thiếu chứng cứ, và sự phối hợp yếu giữa các cơ quan chức năng.

Ba là, các hội thảo nêu bật thực trạng hành hung, đe dọa nhà báo, đồng thời phê phán sự thờ ơ của cơ quan thực thi pháp luật và cả sự né tránh trách nhiệm từ phía một số cơ quan báo chí.

Bốn là, một số công trình chuyên ngành đưa ra minh chứng về những rủi ro thường trực mà nhà báo đối diện khi tác nghiệp điều tra, từ gây khó dễ đến ép đẫm chính, kiện tụng, thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các công trình nêu trên cung cấp cơ sở dữ liệu quý giá, nhưng phần lớn đều được thực hiện trước năm 2016. Vì vậy, đến nay vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu về thực trạng vi phạm và bảo vệ quyền tác nghiệp nhà báo trong giai đoạn hậu cải cách pháp lý, đặc biệt là bối cảnh truyền thông số và áp lực pháp lý mới từ năm 2017 trở lại đây.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

1.1.3.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Một là, các công trình nghiên cứu khẳng định khung pháp lý và mức độ can thiệp của nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tác nghiệp của nhà báo...

Hai là, các công trình nghiên cứu nhấn mạnh thể chế chính trị đóng vai trò quyết định trong việc bảo vệ hay giới hạn quyền tác nghiệp.

Ba là, các công trình nghiên cứu về mô hình sở hữu và tài chính báo chí cũng ảnh hưởng lớn đến quyền tác nghiệp.

Bốn là, văn hóa chính trị – xã hội và mức độ phát triển của quyền công dân ảnh hưởng mạnh mẽ đến môi trường tác nghiệp.

Năm là, môi trường kỹ thuật số vừa mở rộng cơ hội tác nghiệp vừa tạo ra các rủi ro mới như bạo lực mạng, doxing, giám sát số và ranh giới mờ giữa báo chí chuyên nghiệp và người sáng tạo nội dung.

1.1.3.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Các nghiên cứu trong nước bước đầu chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng đến quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, nhưng phần lớn mới dừng lại ở mức liệt kê hiện tượng, chưa có tính hệ thống, chưa kết nối được giữa các cấp độ ảnh hưởng khác nhau.

Một là, công trình chia các yếu tố thành ba nhóm chính: (i) từ phía nhà báo (thiếu kỹ năng, không tự bảo vệ, thiếu thể); (ii) từ phía đối tượng cản trở (lạm dụng quyền lực, lợi ích nhóm, coi thường pháp luật); (iii) từ hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi (thiếu quy định cụ thể, thực thi kém, nhận thức pháp lý hạn chế).

Hai là, một số công trình nhấn mạnh rằng chính kiến thức pháp lý hạn chế và thiếu chuẩn bị từ phía nhà báo cũng góp phần làm tăng nguy cơ bị xâm phạm khi tác nghiệp, nhất là trong điều tra các đề tài nhạy cảm.

1.1.4. Những công trình nghiên cứu về các giải pháp bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

1.1.4.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Một là, các công trình đề nghị giải pháp xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý chuyên biệt bảo vệ nhà báo là giải pháp nền tảng.

Hai là, các công trình đưa ra giải pháp luật hóa các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và nâng cao kiến thức pháp luật cho nhà báo cũng là nội dung quan trọng.

Ba là, các công trình nhấn mạnh giải pháp phát huy vai trò của các thiết chế trung gian như hội nhà báo, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ quan giám sát độc lập.

Bốn là, các công trình đề xuất giải pháp nhà báo cần được đào tạo định kỳ về an toàn nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng pháp lý, sơ cứu, bảo mật kỹ thuật số, phòng tránh doxing và bạo lực mạng.

Năm là, các công trình nhấn mạnh giải pháp thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa các tổ chức nhân quyền, cơ quan truyền thông và nhà nước là giải pháp dài hạn.

Sáu là, các công trình đề nghị giải pháp đặc biệt chú trọng đến bảo vệ nữ nhà báo và các nhóm dễ bị tổn thương trước bạo lực giới và tấn công mạng.

Bảy là, các công trình đề xuất cần minh bạch điều tra các vụ hành hung, bảo hiểm nghề nghiệp, luật bảo vệ người tố cáo, và khuyến khích văn hóa an toàn trong các tòa soạn báo chí.

1.1.4.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Một là, các công trình đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành, bao gồm việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự và các văn bản dưới luật.

Hai là, các công trình đề nghị cải thiện cơ chế phối hợp liên ngành là yếu tố then chốt.

Ba là, các công trình đề xuất yêu cầu các tòa soạn cần chủ động hơn trong bảo vệ phóng viên.

Bốn là, các công trình đưa giải pháp nâng cao năng lực pháp lý và kỹ năng phòng vệ cho nhà báo là giải pháp lâu dài.

Năm là, các công trình đề xuất chuyển hướng từ xử phạt hành chính sang truy cứu trách nhiệm hình sự trong các vụ hành hung nhà báo để tăng tính răn đe.

Sáu là, các công trình đề xuất nhấn mạnh biện pháp cập nhật các quy định pháp luật trong bối cảnh truyền thông số.

1.2. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề cần tập trung giải quyết

1.2.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Một là, các nghiên cứu hiện có về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo chủ yếu tập trung vào ba trụ cột: pháp lý, đạo đức và thực tiễn. Các quyền cơ bản được bảo vệ bao gồm: quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền bảo vệ nguồn tin và quyền được bảo vệ khỏi đe dọa, bạo lực và sách nhiễu khi tác nghiệp.

Hai là, các công trình trong nước và quốc tế đều đã tiếp cận khung pháp lý quốc tế và quốc gia liên quan đến quyền tác nghiệp, trong đó nhấn mạnh mối quan hệ giữa quyền, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Ba là, về mặt phương pháp, các nghiên cứu thường sử dụng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu tình huống và phân tích nội dung để làm rõ các yếu tố tác động và hành vi cản trở hoạt động báo chí.

Bốn là, tại Việt Nam, các nghiên cứu trực diện về đề tài còn mỏng và thiếu tính hệ thống. Phần lớn mới chỉ dừng ở việc nhận diện hành vi cản trở hoặc tác động bên ngoài, chưa đánh giá toàn diện mức độ bảo vệ và vai trò của các chủ thể liên quan. Các công trình đáng chú ý chủ yếu dưới dạng dự án và được thực hiện trước năm 2016 – thời điểm Luật Báo chí sửa đổi có hiệu lực.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

- Hệ thống lý luận về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

- Đánh giá thực trạng vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1.1. Vấn đề

Vấn đề là một thuật ngữ linh hoạt, có thể mang nhiều ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào ngữ cảnh sử dụng nhưng nhìn chung nó ám chỉ một điều gì đó cần được quan tâm, xem xét, giải quyết hoặc làm rõ.

2.1.1.2. Nhà báo

Nhà báo là những người thực hiện lao động sáng tạo tác phẩm với nhiệm vụ đặc thù là tìm kiếm, xác minh, đánh giá và cung cấp thông tin về tất cả sự kiện, vấn đề mới mà công chúng cần được biết. Họ là chủ thể trực tiếp hoạt động báo

chí, chịu trách nhiệm trước pháp luật và dư luận xã hội, công chúng về những thông tin mà họ cung cấp cho công chúng.

2.1.1.3. Quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là sự thừa nhận và bảo vệ của pháp luật đối với hoạt động nghiệp vụ ((tiếp cận, thu thập, xử lý và phổ biến thông tin) do nhà báo tiến hành nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng, xã hội.

2.1.1.3. Bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là việc thiết lập một cơ chế đảm bảo và duy trì để nhà báo thực hiện các hoạt động nghiệp vụ (tiếp cận, thu thập, xử lý và phổ biến thông tin) theo quy định pháp luật một cách tự do, an toàn và không bị cản trở bởi bất kỳ hành vi trái pháp luật nào.

2.1.2. Vai trò của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

2.1.2.1. Giúp nhà báo tự tin và tăng cường uy tín, vị thế của nhà báo

Khi quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo được bảo vệ chặt chẽ, nhà báo có thể yên tâm phát huy tối đa năng lực, chuyên môn và trách nhiệm xã hội của mình.

2.1.2.2. Tăng cường uy tín, vị thế của cơ quan báo chí nói riêng và của báo chí nói chung

Uy tín, vị thế của một cơ quan báo chí được xây dựng trên nhiều yếu tố, trong đó có hai yếu tố quan trọng: sự tin cậy của công chúng, khả năng giám sát và phản biện xã hội của tờ báo. Muốn có được sự tin cậy của công chúng, tờ báo phải đảm bảo chất lượng thông tin (chính xác, kịp thời, khách quan) và tính đạo đức, liêm chính của đội ngũ phóng viên, biên tập viên và lãnh đạo toà soạn. Đồng thời, khả năng giám sát và phản biện xã hội chỉ thực hiện tốt khi đội ngũ của cơ quan báo chí đó sẵn sàng phản ánh trung thực, phanh phui sai phạm, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực.

2.1.2.3. Góp phần làm trong sạch xã hội, thúc đẩy xã hội dân chủ, minh bạch, phát triển tiến bộ

Các mô hình xã hội dân chủ truyền thống khi giải thích mối quan hệ giữa dân chủ - truyền thông đều nhấn mạnh tầm quan trọng cốt yếu của nhà báo trong việc phân phối thông tin, cho phép công dân thực hiện quyền kiểm soát chính thức (thông qua bầu cử) và không chính thức (thông qua dư luận) đối với nhà nước.

2.1.2.4. Tăng cường tính công khai, minh bạch, khách quan, đa chiều của báo chí, hướng đến một nền báo chí tự do và độc lập, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước

Bảo vệ nhà báo tác nghiệp và bảo vệ nền báo chí tự do, độc lập có mối liên hệ mật thiết, không thể tách rời bởi nhà báo chính là những người trực tiếp thực hiện hoạt động báo chí, là "đầu tàu" của nền báo chí.

2.1.2.5. Giảm tình trạng miễn trừ trừng phạt (impunity) đối với các vụ tấn công nhà báo

Việc không điều tra đầy đủ các vụ đe dọa và tấn công nhà báo không chỉ tiếp tay cho tội phạm mà còn gây ra hiệu ứng tiêu cực lan rộng trong xã hội. Tình trạng miễn trừ trừng phạt được coi là nguyên nhân chính dẫn đến việc nhà báo

tiếp tục bị sát hại, khuyến khích thủ phạm tiếp tục tấn công nhà báo mà không phải chịu hậu quả pháp lý.

2.1.3. Nội dung của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

2.1.3.1. Sự đầy đủ, rõ ràng về chính sách, pháp luật và vai trò định hướng của Đảng, Nhà nước về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo

Sự đầy đủ, rõ ràng và nhất quán của chính sách và khung pháp lý là trụ cột then chốt trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Thiếu sót ở bất kỳ khía cạnh nào cũng có thể làm suy yếu đáng kể nỗ lực bảo vệ và gây ra hậu quả nghiêm trọng cho nhà báo, tự do báo chí và xã hội nói chung.

2.1.3.2. Hiệu quả trong thực thi pháp luật

Thực thi pháp luật hiệu quả đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo rằng các quy định pháp luật bảo vệ quyền nhà báo không chỉ tồn tại trên giấy tờ mà còn được thực hiện nghiêm túc trong thực tế, qua đó tạo ra một môi trường an toàn và thuận lợi để nhà báo thực hiện công việc của mình mà không phải lo sợ bị trả thù hay cản trở.

2.1.3.3. Mức độ sẵn sàng bảo vệ từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan

Mức độ sẵn sàng bảo vệ từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong bảo vệ quyền của nhà báo có thể được hiểu là tổng hòa các nỗ lực, cam kết, năng lực và hiệu quả hành động của các chủ thể liên quan (cơ quan nhà nước, tổ chức truyền thông, tổ chức xã hội dân sự, cá nhân và cộng đồng quốc tế) trong việc đảm bảo an toàn và các quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo

2.1.3.4. Vấn đề về nhận thức của nhà báo

Nhà báo nhận thức tốt về quyền hoạt động nghề thường có xu hướng tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng sự thật và khách quan trong thông tin. Điều này giúp nâng cao chất lượng sản phẩm báo chí, từ đó xây dựng niềm tin và uy tín với công chúng.

2.1.3.5. Vấn đề về nhận thức của xã hội

Nhận thức xã hội đúng đắn là tiền đề để nhà báo được tôn trọng trong quá trình thực hiện chức năng giám sát, phản biện

2.1.4. Những yếu tố tác động đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

- Môi trường chính trị - xã hội: Yếu tố nền tảng định hình không gian pháp lý và thực tiễn cho quyền tác nghiệp của nhà báo.

- Nhận thức của xã hội: Nhận thức cộng đồng và văn hóa truyền thông ảnh hưởng đến mức độ bảo vệ nghề báo. Cách xã hội nhìn nhận vai trò giám sát quyền lực và tự do biểu đạt là rất quan trọng. Việc nâng cao nhận thức về vai trò của báo chí trong xã hội có thể góp phần bảo vệ quyền lợi cho nhà báo.

- Yếu tố pháp lý: Một khung pháp lý toàn diện, cơ chế thực thi hiệu quả tạo ra một môi trường lý tưởng để các nhà báo tự do đưa tin một cách khách quan và trung thực.

- Yếu tố công nghệ: Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ kỹ thuật số đã làm thay đổi môi trường tác nghiệp của nhà báo. Bên cạnh những lợi ích như mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, lan tỏa nội dung nhanh chóng và đa nền tảng,

công nghệ số cũng tạo ra nguy cơ tấn công mạng, giám sát số, doxxing, quấy rối và theo dõi phi pháp.

- Yếu tố kinh tế: Áp lực thương mại, tài chính và cơ chế thị trường định hình tính dễ tổn thương của báo chí

- Các yếu tố cá nhân (Hiểu biết pháp luật, năng lực chuyên môn, đạo đức, giới tính, dân tộc, tôn giáo, lĩnh vực đưa tin...): Những yếu tố cá nhân của nhà báo như giới tính, dân tộc, tôn giáo hay lĩnh vực đưa tin trong nhiều trường hợp trở thành mục tiêu tấn công, gây cản trở khi tác nghiệp. Sự phân biệt đối xử, định kiến xã hội và bản chất nhạy cảm của một số lĩnh vực đã tạo ra những thách thức đặc thù, đòi hỏi sự quan tâm và bảo vệ đặc biệt đối với các nhà báo.

2.2. Cơ sở thực tiễn của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

2.2.1. Cơ sở chính trị

Đảng luôn nhấn mạnh vai trò của đội ngũ nhà báo trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và định hướng dư luận xã hội. Các nhà báo được ví như những “chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng”, là lực lượng trực tiếp thực hiện và bảo đảm tính chiến đấu của báo chí. Vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý đội ngũ nhà báo luôn được chú trọng. Chỉ thị số 43-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ nhà báo “vừa hồng, vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, đáp ứng tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đối với công tác cán bộ lãnh đạo trong cơ quan báo chí, Quy định số 101-QĐ/TW ngày 28/2/2023 đã đưa ra nguyên tắc rõ ràng: người đứng đầu cơ quan chủ quản không được kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo cơ quan báo chí và ngược lại. Điều này thể hiện sự đổi mới trong nhận thức về quản lý quyền lực trong lĩnh vực báo chí, nhằm tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và tránh xung đột lợi ích.

2.2.2. Cơ sở pháp lý

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn đề cao vai trò của pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 1992 khẳng định Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; đồng thời, nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trong đó, pháp chế được hiểu là việc mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội đều phải nghiêm chỉnh tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý nghiêm minh.

Về mặt pháp lý, quyền tác nghiệp của nhà báo được quy định và bảo vệ thông qua hệ thống văn bản pháp luật, từ Hiến pháp đến các luật chuyên ngành và văn bản dưới luật. Luật Báo chí – ban hành lần đầu năm 1957 và sửa đổi vào các năm 1989, 1999, 2016 – là nền tảng pháp lý chủ yếu điều chỉnh hoạt động báo chí và quyền tác nghiệp của nhà báo. Luật này quy định rõ quyền thu thập, phân tích, công bố thông tin và nghiêm cấm các hành vi cản trở hoạt động hợp pháp của nhà báo.

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định tại Điều 25 rằng công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội và biểu

tình – và việc thực hiện các quyền này được pháp luật quy định cụ thể. Luật Báo chí 2016 cụ thể hóa điều này, đồng thời quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo các quyền tự do đó. Điều 25 của Luật trao cho nhà báo nhiều quyền cụ thể, còn Điều 38 (các khoản 1, 2, 3 và 5) quy định rõ trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như các trường hợp được phép từ chối cung cấp thông tin.

Luật cũng bảo vệ nguồn tin của nhà báo (Khoản 4, Điều 38), chỉ cho phép tiết lộ nguồn tin trong các trường hợp đặc biệt liên quan đến điều tra, xét xử tội phạm nghiêm trọng theo yêu cầu chính thức của Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trở lên – đồng thời yêu cầu bảo vệ người cung cấp thông tin nếu bị tiết lộ.

Luật Báo chí 2016 còn nghiêm cấm các hành vi đe dọa, xúc phạm, phá hoại phương tiện tác nghiệp hoặc cản trở nhà báo hành nghề đúng pháp luật (Khoản 12, Điều 9). Ngoài Luật Báo chí, nhiều bộ luật khác cũng quy định cụ thể về bảo vệ nhà báo. Luật Phòng, chống tham nhũng (Điều 13, 14) và Luật Tiếp cận thông tin (năm 2016, hiệu lực từ 2018) làm rõ quyền yêu cầu, tiếp cận và sử dụng thông tin của nhà báo. Bộ luật Dân sự và Bộ luật Hình sự có quy định xử phạt các hành vi hành hung, xúc phạm hoặc gây thiệt hại cho nhà báo (Điều 134, 138, 330).

Về xử phạt hành chính, từ năm 2006 đến nay, Chính phủ đã ban hành và cập nhật nhiều nghị định như Nghị định 56/2006/NĐ-CP, 159/2013/NĐ-CP, 119/2020/NĐ-CP và hiện hành là Nghị định 14/2022/NĐ-CP. Các nghị định này ngày càng bổ sung thêm hành vi vi phạm mới, tăng mức xử phạt (từ 20 đến 30 triệu đồng với hành vi thu giữ phương tiện, tài liệu trái phép), thể hiện sự quan tâm ngày càng lớn của Nhà nước trong việc bảo vệ nhà báo khỏi các hành vi cản trở, đe dọa khi tác nghiệp.

2.3. Một số lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu

2.3.1. Lý thuyết cấu trúc – chức năng (*Structural Functionalism*)

Trong bối cảnh truyền thông, lý thuyết này giúp nhìn nhận hoạt động báo chí như một cấu trúc xã hội đặc thù, đảm nhận vai trò truyền tải thông tin, giám sát quyền lực, phản biện chính sách và duy trì dòng chảy tri thức trong xã hội hiện đại. Khi áp dụng lý thuyết cấu trúc - chức năng vào nghiên cứu về quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo, có thể tiếp cận theo các hướng sau:

Thứ nhất, xác định vai trò - chức năng xã hội của nhà báo: Nhà báo là một phần trong cấu trúc của hệ thống truyền thông – vốn là một thiết chế xã hội quan trọng.

Thứ hai, phân tích hậu quả xã hội nếu chức năng báo chí bị cản trở.

Thứ ba, kiến nghị từ góc độ tái thiết cấu trúc bảo vệ quyền nghề nghiệp. Từ góc độ cấu trúc – chức năng, luận án có thể đề xuất xây dựng lại hoặc tăng cường hiệu quả của các cấu trúc pháp lý và nghề nghiệp bảo vệ nhà báo

2.3.2. Lý thuyết trách nhiệm xã hội (*Social Responsibility Theory*)

Luận án sử dụng Lý thuyết trách nhiệm xã hội làm nền tảng lý luận cốt lõi, cung cấp một lập luận vững chắc và mang tính định hướng: việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo không chỉ được xem là một

đặc quyền dành cho một nhóm đối tượng cụ thể, mà là điều kiện tiên quyết để họ thực thi đầy đủ và hiệu quả trách nhiệm xã hội của mình.

Chương 3

THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và đặc điểm mẫu nghiên cứu

Thứ nhất, cơ sở dữ liệu thu được từ khảo sát từ đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ quản lý các cấp các cơ quan báo chí bao gồm phát thanh, truyền hình, báo in, báo mạng điện tử. Cỡ mẫu khảo sát là 302 mẫu nghiên cứu, được chọn 07 cơ quan báo chí.

Thứ hai, dữ liệu từ Hội nhà báo Việt Nam nhằm làm rõ hơn thực trạng vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, nghiên cứu cũng tổng hợp phân tích dữ liệu cung cấp từ phía Hội nhà báo về 47 vụ vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo được báo cáo lên hội nhà báo trong giai đoạn 5 năm từ 2020 đến tháng 12/2024.

Thứ ba, phân tích 5 trường hợp cản trở nhà báo trong quá trình tác nghiệp, có mức độ xâm phạm nghiêm trọng, được công luận chú ý trong giai đoạn từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2024.

Thứ tư, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm nhằm làm rõ hơn môi trường pháp lý, vai trò của luật báo chí, các thông tư, nghị định, vai trò của các cơ quan tổ chức có liên quan tham gia bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo.

3.2. Khảo sát thực trạng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Khảo sát mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí tại Việt Nam và nhận thức về tầm quan trọng của bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

3.2.1.1. Đánh giá mức độ an toàn của môi trường hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của báo chí tại Việt Nam

Môi trường tác nghiệp báo chí tại Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể so với những năm trước, trong đó đặc biệt là môi trường tác nghiệp an toàn và nhà báo sẵn sàng được bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp. Tuy nhiên, môi trường tác nghiệp báo chí hiện tại vẫn chưa hoàn toàn được đánh giá ở mức tốt hay rất tốt, vẫn rất cần được tiếp tục cải thiện tích cực hơn nữa trong tương lai

3.2.1.2. Đánh giá nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Đảm bảo thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo đóng vai trò rất quan trọng, không chỉ cho nhà báo, nghề báo, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của báo chí mà còn đối với sự phát triển xã hội nói chung.

3.2.2. Thực trạng đảm bảo quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo và hành vi vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong thời gian vừa qua

3.2.2.1. Thực trạng đảm bảo quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Khảo sát cho thấy phần lớn nhà báo đánh giá cao việc được bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp, với điểm trung bình các quyền dao động từ 3,61 đến 3,94/5.

Ba quyền được đánh giá tích cực nhất là: quyền từ chối biên tập trái pháp luật, quyền bảo vệ nguồn tin, và quyền được đào tạo nâng cao. Trong khi đó, quyền tiếp cận thông tin tại phiên tòa công khai và tại các cơ quan vẫn còn hạn chế. Nhà báo nữ và những người có kinh nghiệm nghề lâu năm có xu hướng đánh giá thấp hơn về mức độ được bảo vệ. Điều này cho thấy cần tiếp tục tăng cường bảo vệ quyền tiếp cận thông tin và tác nghiệp thực tế, đặc biệt tại các phiên tòa và cơ quan công quyền.

3.2.2.2. Tần suất, mức độ vi phạm, loại hành vi xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp

Khảo sát cho thấy nhiều nhà báo đã từng bị xâm phạm quyền tác nghiệp ở cả mức độ nhẹ và nghiêm trọng. Các hành vi phổ biến nhất là bị từ chối cung cấp thông tin (trên 85%), bị gây khó dễ, trì hoãn tiếp cận hiện trường, nhân vật (trên 58%) và bị mua chuộc hoặc thu giữ phương tiện tác nghiệp (khoảng 20–27%). Đáng lo ngại, 23,5% từng bị đe dọa tinh thần trực tiếp, 9,4% bị hành hung, 6% bị quấy rối tình dục và hơn 25% từng bị yêu cầu gỡ bài, chỉnh sửa nội dung đã đăng. Gần 43% nhà báo phải nhờ cơ quan báo chí hoặc chính quyền can thiệp, song đa số vụ việc không rõ kết quả xử lý. Môi trường mạng và hiện trường tác nghiệp là nơi dễ xảy ra vi phạm nhất, đặc biệt với các nhà báo điều tra tiêu cực xã hội.

3.3. Đánh giá những thành công và hạn chế trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam

3.3.1. Những thành công và nguyên nhân của những thành công trong công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

3.3.1.1. Tạo dựng môi trường pháp lý vững mạnh, an toàn bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện hành lang pháp lý để bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, điển hình qua Luật Báo chí và các nghị định xử phạt vi phạm hành chính liên quan. Khảo sát cho thấy hơn 90% nhà báo đánh giá cao vai trò của các văn bản pháp lý, trong đó Luật Báo chí 2016 được xem là “tấm khiên” quan trọng nhất (điểm trung bình 4,56/5). Nghị quyết Đại hội XIII về xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại cũng được đánh giá rất cao (trên 92% chọn “quan trọng” và “rất quan trọng”). Đáng chú ý, nhà báo nam, người có thể nhà báo và người có kinh nghiệm lâu năm thường đánh giá cao hơn vai trò bảo vệ của pháp luật. Các quy định pháp lý không chỉ bảo vệ quyền mà còn định hướng hoạt động báo chí phát triển đúng chuẩn mực.

3.3.1.2. Sự tích cực tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của hội nhà báo, lãnh đạo cơ quan báo chí, các cơ quan ban ngành có liên quan

Các cơ quan báo chí, lãnh đạo cơ quan, Hội Nhà báo và cơ quan chức năng được đánh giá cao về mức độ sẵn sàng (trên 4/5 điểm) và hiệu quả (trên 3,85/5 điểm) trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Khoảng 43% nhà báo từng nhờ cơ quan báo chí hỗ trợ, 18–20% nhờ đến công an, chính quyền, hội nghề nghiệp. Các vụ việc vi phạm đều nhận được phản ứng nhanh từ nhiều cấp: báo chí, Sở TT&TT, Hội Nhà báo, và cơ quan công an. Hội Nhà báo còn tổ chức

nhiều lớp tập huấn và chủ động kiến nghị xử lý các vụ cản trở tác nghiệp. Mạng lưới đồng nghiệp và sự vào cuộc của các cấp chính quyền tạo nên một cơ chế phối hợp đồng bộ, giúp xây dựng môi trường báo chí an toàn và chuyên nghiệp hơn.

3.3.1.3. Năng lực, trình độ của nhà báo

Nhà báo đánh giá cao năng lực tự bảo vệ và hiểu biết pháp luật của bản thân trong quá trình tác nghiệp, với điểm trung bình 3,54/5 và gần 90% đánh giá từ mức “khá” trở lên. Nam giới và nhà báo có thâm niên công tác từ 5 năm trở lên thường tự đánh giá cao hơn về năng lực này. Tuy nhiên, mới chỉ 43,6% từng được tập huấn về an toàn tác nghiệp trong tình huống rủi ro, cho thấy vẫn còn khoảng trống đào tạo. Gần 78% nhà báo chủ động tìm hiểu và cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp, phản ánh tinh thần trách nhiệm cao. Các cơ quan báo chí, đặc biệt như VOV, cũng đã tổ chức hiệu quả các chương trình phổ biến pháp luật và kỹ năng nhằm tăng cường bảo vệ nhà báo.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

3.3.2.1. Hạn chế trong trình độ nhận thức xã hội về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Nguyên nhân hàng đầu khiến quyền tác nghiệp của nhà báo chưa được tôn trọng đến từ nhận thức hạn chế của người dân. Gần 60% nhà báo đánh giá người dân chưa biết hoặc chưa hiểu đầy đủ về quyền của nhà báo và các quy định xử lý hành vi cản trở báo chí. Điểm trung bình đánh giá nguyên nhân này là 3,72/5 – mức cao nhất trong các nguyên nhân khảo sát. Các thảo luận chuyên sâu cũng chỉ ra rằng thái độ thiếu thiện cảm với nhà báo bắt nguồn từ văn hóa né tránh sự thật, tâm lý e ngại phê bình và hiểu lầm về vai trò giám sát, phản biện của báo chí. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường truyền thông, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức xã hội về quyền và chức năng của nhà báo.

3.3.2.2. Hạn chế đối với môi trường pháp lý và thực thi pháp luật về vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo

Dù môi trường pháp lý báo chí tại Việt Nam đã có nhiều cải thiện trong 5 năm qua, nhưng vẫn tồn tại những khoảng trống và bất cập trong thực thi. Hai hạn chế nổi bật được nhà báo và lãnh đạo cơ quan báo chí đồng thuận cao là: khó khăn trong việc thu thập chứng cứ vi phạm (điểm trung bình 3,59/5) và chế tài xử phạt còn “mềm”, chưa đủ răn đe (điểm 3,58/5). Phản hồi chuyên sâu cho thấy nhiều vụ việc không được xử lý hình sự do thiếu bằng chứng, trong khi xử phạt hành chính còn nhẹ, không tương xứng mức độ vi phạm. Tình trạng này khiến việc bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp chưa thực sự hiệu quả. Cần sớm hoàn thiện quy định pháp luật và tăng tính thực thi để bảo vệ nhà báo tốt hơn.

3.3.2.3. Hạn chế trong việc tham gia bảo vệ hiệu quả quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của các cơ quan ban ngành có liên quan

Bên cạnh những đóng góp tích cực của các cơ quan chức năng và tổ chức nghề nghiệp, khảo sát cho thấy vẫn còn những hạn chế trong phối hợp và nhận

thức về quyền tác nghiệp của nhà báo. Hạn chế nổi bật nhất là sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các cơ quan (điểm trung bình 3,45/5), tiếp đến là sự thụ động của chính quyền địa phương (3,36/5) và phản ứng chưa đủ mạnh từ cơ quan thực thi pháp luật (3,35/5). Phòng vấn chuyên sâu cho thấy ở nhiều nơi, các cấp chưa hiểu đầy đủ quyền và quy trình tác nghiệp của nhà báo, dẫn đến sự chậm trễ hoặc thiếu quyết liệt khi xử lý vi phạm. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ và gây tâm lý e ngại cho nhà báo khi làm việc tại hiện trường.

3.3.2.4. Hạn chế trong năng lực tự bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Dù khả năng tự bảo vệ của nhà báo được đánh giá cao và tương đương với vai trò của lãnh đạo cơ quan báo chí, khảo sát chỉ ra các hạn chế nội tại đang làm suy giảm hiệu quả này. Các yếu tố nổi bật gồm: thiếu kỹ năng xử lý tình huống nhạy cảm, thiếu hiểu biết về luật, và chưa tuân thủ thủ tục hành chính khi tác nghiệp – với điểm trung bình từ 3,29 đến 3,41/5. Đặc biệt, kỹ năng tác nghiệp với các vấn đề nóng, nguy cơ cao là điểm yếu lớn nhất được nhiều nhà báo thừa nhận. Điều này cho thấy nhu cầu bức thiết về các chương trình đào tạo chuyên sâu, hướng dẫn thực tế và tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp rõ ràng. Việc tăng cường hỗ trợ thể chế và xây dựng văn hóa bảo vệ nghề nghiệp sẽ giúp củng cố khả năng tự bảo vệ cho nhà báo một cách bền vững.

Chương 4

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP KHUYẾN NGHỊ NHẪM BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Những vấn đề đặt ra về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo và cơ sở đề xuất giải pháp

4.1.1. Vấn đề đặt ra với cơ quan quản lý Nhà nước

Một là, hoàn thiện khung pháp lý đồng bộ, bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo.

Hai là, tăng cường chế tài xử lý hành vi cản trở hoạt động báo chí.

Ba là, nhận diện và xử lý hiệu quả các hình thức “cản trở mềm”.

Bốn là, đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho phóng viên chưa có thẻ nhà báo.

Năm là, tăng cường bảo vệ nhà báo trong môi trường số và không gian mạng.

4.1.2. Vấn đề đặt ra với cơ quan báo chí và Hội nhà báo

Một là, xây dựng chiến lược hỗ trợ và bảo vệ phóng viên thực hiện điều tra, phóng sự nhạy cảm.

Hai là, đầu tư bài bản vào đào tạo nghiệp vụ, pháp luật và đạo đức nghề báo.

Ba là, tăng cường theo dõi và công khai quá trình xử lý hành vi cản trở báo chí.

Bốn là, nâng cao thẩm quyền và cơ chế can thiệp của Hội Nhà báo.

4.1.3. Vấn đề đặt ra đối với nhà báo

Một là, nâng cao kỹ năng ứng xử và bản lĩnh nghề nghiệp cho nhà báo trong môi trường phức tạp.

*Hai là, tăng cường nhận thức pháp luật và vai trò chính trị – xã hội.
Ba là, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng danh nghĩa nhà báo để trục lợi.
Bốn là, bổ sung kỹ năng tự bảo vệ và xử lý khủng hoảng cho nhà báo.*

4.1.4. Vấn đề đặt ra đối với công chúng

Một là, nâng cao nhận thức của công chúng về vai trò giám sát xã hội của báo chí.

Hai là, minh bạch thông tin về các vụ hành hung nhà báo để xây dựng lòng tin xã hội.

Ba là, bảo vệ nhà báo khỏi các hình thức tấn công trực tuyến có tổ chức.

4.2. Cơ sở đề xuất giải pháp

4.2.1. Đề xuất từ người trả lời khảo sát

+ Giải pháp đề xuất đối với cải thiện môi trường pháp lý và thực thi quyền bảo vệ quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo

+ Giải pháp về tăng cường vai trò, chức năng của các cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan chức năng có liên quan và sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng

+ Giải pháp thay đổi từ xã hội

+ Giải pháp đề xuất đối với nhà báo

4.2.2. Một số giải pháp từ các nước trên thế giới

+ Luật riêng và bổ sung chế tài vào Luật hình sự để bảo vệ nhà báo

+ Xây dựng kế hoạch hành động quốc gia, Ủy ban quốc gia về An toàn nhà báo và nhóm An toàn cho nhà báo

+ Tăng cường hợp tác trong nước giữa các bên liên quan

4.3. Một số giải pháp và khuyến nghị nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay

4.3.1. Hoàn thiện khung pháp lý và chế tài bảo vệ nhà báo

Một là, sửa đổi và bổ sung Luật Báo chí 2016 để bảo vệ nhà báo một cách toàn diện. Đề xuất Bộ Quy tắc Bảo vệ nhà báo trong quá trình tác nghiệp

Hai là, đồng bộ hóa Luật Báo chí với các luật khác trong hệ thống pháp luật.

Ba là, cần có các cơ chế ràng buộc pháp lý bắt buộc các cơ quan chức năng phản hồi báo chí trong một thời hạn cụ thể.

Bốn là, tăng chế tài xử lý hình sự đối với hành vi bạo lực, cản trở tác nghiệp.

Năm là, hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ nhà báo trong môi trường số.

4.3.2. Thiết lập cơ chế bảo vệ thực chất và hiệu quả

Đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống “ba lớp” bảo vệ an toàn nghiệp vụ cho nhà báo:

Lớp 1 – Phản ứng khẩn cấp

Lớp 2 – Ghi nhận và lưu trữ chứng cứ

Lớp 3 – Điều tiết trách nhiệm

4.3.3. Nhà báo thường xuyên trau dồi năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức báo chí

Một là, trang bị kỹ năng tự bảo vệ cho nhà báo theo chuẩn quốc tế.

Hai là, nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhà báo để hạn chế rủi ro nghề nghiệp.

Ba là, thúc đẩy việc thực thi đạo đức nghề nghiệp một cách thực chất và công khai.

4.3.4. Các cơ quan báo chí chủ động, tích cực và nêu cao trách nhiệm trong thường xuyên kiểm tra, giám sát, hỗ trợ phóng viên

Một là, xây dựng đội ngũ phóng viên bản lĩnh, am hiểu pháp luật và được đào tạo bài bản.

Hai là, thiết lập quy trình tự bảo vệ phóng viên trong quá trình tác nghiệp.

Ba là, thành lập đội ngũ tư vấn pháp lý hỗ trợ hoạt động báo chí.

Bốn là, thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành và tổ chức Tổ An toàn Nhà báo nội bộ.

Năm là, tăng cường truyền thông về pháp luật báo chí một cách sinh động và minh bạch.

4.3.5. Nâng cao nhận thức xã hội, xây dựng văn hóa tôn trọng và bảo vệ nhà báo trong xã hội

Một là, nâng cao nhận thức xã hội về quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo.

Hai là, đổi mới hình thức truyền thông pháp luật về báo chí.

Ba là, lồng ghép giáo dục về nghề báo trong cộng đồng và hệ thống giáo dục.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án "Bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay" đã làm rõ nhiều nội dung quan trọng liên quan đến việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo trong bối cảnh chính trị, kinh tế, pháp lý và xã hội của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính đúng đắn của các giả thuyết và giải đáp thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra.

Thứ nhất, luận án đã chứng minh được sự nhất quán của các chính sách và mức độ đồng bộ, rõ ràng của các văn bản luật và nghị định liên quan đến báo chí có mối quan hệ tỷ lệ thuận với hiệu quả bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Hệ thống pháp luật về báo chí ở Việt Nam đã có sự hoàn thiện đáng kể, đặc biệt là từ khi Luật Báo chí năm 2016 có hiệu lực, tạo hành lang pháp lý vững chắc để nhà báo thực hiện quyền và nghĩa vụ nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự đồng bộ và nhất quán trong thực thi pháp luật vẫn chưa cao. Một số quy định trong Luật Báo chí, Nghị định 14/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí vẫn còn chồng chéo, chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng các cơ quan thực thi pháp luật lúng túng trong quá trình xử lý các vụ việc cản trở nhà báo tác nghiệp. Việc thực thi pháp luật ở nhiều địa phương còn chậm chạp, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, khiến một số vụ việc nhà báo bị cản trở, hành hung chưa được xử lý nghiêm minh và kịp thời. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi các quy định pháp luật được thực thi đồng bộ và nhất quán, quyền tác nghiệp của nhà báo được bảo vệ tốt hơn và niềm tin của công chúng đối với báo chí cũng được củng cố.

Thứ hai, luận án khẳng định rằng nhận thức của cộng đồng về vai trò độc lập của báo chí có ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng cản trở hoặc xâm phạm quyền của nhà báo. Kết quả khảo sát cho thấy, khi công chúng có thái độ tích cực và tin tưởng vào sự trung thực, khách quan của báo chí, có xu hướng bảo vệ nhà báo tốt hơn. Luận án đã làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức của công chúng và môi trường pháp lý đối với quyền tác nghiệp của nhà báo, qua đó khẳng định tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức xã hội về tự do báo chí và quyền của nhà báo.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu đã cho thấy rằng nhà báo sở hữu kiến thức pháp lý vững chắc và phẩm chất nghề nghiệp tốt sẽ ít có nguy cơ bị cản trở khi tác nghiệp, đồng thời có khả năng tự bảo vệ bản thân và nguồn tin hiệu quả hơn, từ đó gây dựng được uy tín tốt hơn. Những nhà báo am hiểu luật pháp, có bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp thường chủ động hơn trong việc xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tác nghiệp. Họ biết cách vận dụng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản pháp luật liên quan để bảo vệ quyền lợi của mình khi bị cản trở hoặc đe dọa. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy không phải nhà báo nào cũng được trang bị đầy đủ kiến thức pháp lý và kỹ năng tự vệ khi xảy ra xung đột tại hiện trường. Việc đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật, kỹ năng tác nghiệp và xử lý khủng hoảng là một trong những nội dung quan trọng

cần được các cơ quan báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam quan tâm và đẩy mạnh hơn trong thời gian tới.

Thứ tư, luận án đã làm rõ vai trò của sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý báo chí, Hội Nhà báo, cơ quan báo chí và các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Khi các cơ quan này có sự phối hợp chặt chẽ và xử lý nhanh chóng, hiệu quả, các vụ việc nhà báo bị hành hung, cản trở hoặc xâm phạm sẽ được giải quyết triệt để hơn. Thực tiễn cho thấy những vụ việc nhà báo bị cản trở hoặc đe dọa thường được xử lý hiệu quả hơn khi có sự vào cuộc quyết liệt và phối hợp chặt chẽ từ nhiều cơ quan chức năng, bao gồm công an, tòa án, Hội Nhà báo, các cơ quan quản lý báo chí, cơ quan báo chí. Tuy nhiên, sự phối hợp này vẫn chưa đồng bộ và thiếu nhất quán ở nhiều địa phương. Một số vụ việc nghiêm trọng đã không được xử lý kịp thời hoặc chỉ dừng lại ở mức phạt hành chính nhẹ, khiến tính răn đe chưa cao. Do đó, việc hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thực thi pháp luật là một trong những giải pháp quan trọng để bảo vệ hiệu quả quyền tác nghiệp của nhà báo.

Luận án cũng trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Trước hết, luận án đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, bao gồm các quy định pháp luật, quan điểm của Đảng và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Tiếp theo, luận án đã phân tích và đánh giá thực tiễn bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo trong các sự kiện nóng, nhạy cảm tại hiện trường và trên không gian mạng. Kết quả cho thấy, các hành vi cản trở nhà báo khi tác nghiệp vẫn diễn ra phức tạp và chưa được xử lý triệt để. Cuối cùng, luận án đã đưa ra các giải pháp cụ thể để góp phần bảo vệ hiệu quả quyền tác nghiệp của nhà báo, bao gồm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực cho nhà báo, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng và nâng cao nhận thức xã hội về quyền tác nghiệp của nhà báo.

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính đúng đắn của các giả thuyết nghiên cứu, đồng thời cung cấp các căn cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Luận án có những đóng góp quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn, làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo về báo chí và quyền tác nghiệp của nhà báo trong môi trường truyền thông hiện đại. Kết quả của luận án không chỉ có giá trị tham khảo cho các cơ quan quản lý báo chí, Hội Nhà báo và các cơ quan thực thi pháp luật, mà còn là tài liệu quan trọng cho các nhà báo và các tổ chức nghiên cứu về báo chí tại Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Trần Thị Phương Lan, (2021), *Chuyển đổi tác nghiệp và quản lý thông tin của toà soạn trong đại dịch Covid 19*, Hội thảo khoa học “Quản trị khủng hoảng thông tin trong bối cảnh đại dịch Covid -19), Koica & Báo Nhân dân.
2. Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên), Đinh Thị Xuân Hoà, Vũ Tuấn Anh, Trương Thị Hoài Trâm, Trần Thị Phương Lan, (2023), *Quản lý toà soạn hội tụ*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông
3. Trần Thị Phương Lan, (2024), Một số vấn đề về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong thời đại số, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/1077702/mot-so-van-%C4%91e-ve-bao-ve-quyen-hoat-%C4%91ong-nghiep-vu-hop-phap-cua-nha-bao-trong-thoi-%C4%91ai-so.aspx>
4. Trần Thị Phương Lan, (2025), Bảo đảm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp cho nhà báo ở Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/1076702/bao-%C4%91am-quyen-hoat-%C4%91ong-nghiep-vu-hop-phap-cho-nha-bao-o-viet-nam.aspx>
5. Trần Thị Phương Lan, (2024), An toàn của nhà báo trong quá trình tác nghiệp, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, tháng 4/2025.